

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2025/KDTM-PT

Ngày: 06/4/2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thanh Nhân

Các Thẩm phán:

Bà Lưu Thị Đoan Trang

Bà Ngô Thị Phúc Hảo

Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thơm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/01/2026, ngày 05/02/2026, ngày 09/03/2026, ngày 30/03/2026 và ngày 06/4/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án về kinh doanh thương mại thụ lý số: 176/2025/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2025/KDTM-ST ngày 31 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 7861/2025/QĐXX-PT ngày 30 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1061/2026/QĐ-PT ngày 20 tháng 01 năm 2026, và các Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 1536/2026/QĐPT-KDTM ngày 27 tháng 01 năm 2026, số 2008/2026/QĐPT-KDTM ngày 05 tháng 02 năm 2026, số 3246/2026/QĐPT-KDTM ngày 09 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Công ty TNHH AP; Trụ sở: 52/4 đường ĐT A, khu phố ĐT, phường DA, TP.HCM (trước là phường DA, thành phố DA, tỉnh Bình Dương);

Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Hữu T là người đại diện theo pháp luật - *Có mặt.*

2. Ông Trần Nghĩa Đ, sinh năm 1955; Địa chỉ: 27G3, khu phố 2, phường H (trước là phường P, Quận X), Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Tô Quang H, sinh năm 1991, địa chỉ liên hệ: 200/2 đường N, phường N (trước là phường N, quận N), Thành phố Hồ Chí Minh.

Minh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 014208, quyền số 12/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/12/2024) - *Có mặt.*

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML; Trụ sở: 47 đường D9, phường TT (trước là phường TT, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh; Có người đại diện theo pháp luật do Tòa án chỉ định: Ông Phạm Đức N, sinh năm 1990; Địa chỉ: 53-55 đường S7, phường TT(trước là phường TT, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1991, địa chỉ: SAV3-15.01 Chung cư J, khu phố J, phường J, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 08/9/2025) - *Có mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải MC; Địa chỉ: 52A đường X, phường X (trước là Phường X', quận X, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Viết Tr, sinh năm 1983 là người đại diện theo pháp luật:– *Vắng mặt các ngày 27/01/2026, ngày 05/02/2026, ngày 09/03/2026 và ngày 06/4/2026. Có mặt ngày 30/03/2026;*

2. Bà Hồ Thị H, sinh năm 1955; Địa chỉ: 27G3, khu phố 2, phường H (trước là phường P, Quận X), Thành phố Hồ Chí Minh - *Có đơn xin giải quyết vắng mặt;*

Người kháng cáo: Ông Trần Nghĩa Đ, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05/01/2022 và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Nghĩa Đ trình bày:

Ngày 03/06/2009, ông Trần Nghĩa Đ và Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML (sau đây gọi là Công ty NML) đã ký kết Hợp đồng cho vay tiền. Nội dung chủ yếu của Hợp đồng vay tiền như sau:

i) Điều 1.1 của Hợp đồng thì ông Đ cho Công ty NML vay số tiền là 60.000.000.000 đồng. Số tiền được chuyển cho Công ty NML thành hai lần (lần một là 50.000.000.000 đồng, lần hai là 10.000.000.000 đồng, cách lần một mười ngày).

ii) Mục đích sử dụng tiền vay cho Công ty NML có tài chính nhằm triển khai dự án "xây dựng cao ốc văn phòng thương mại dịch vụ và căn hộ ML tại số 1006 đường C, Phường C, quận C, Thành phố Hồ Chí Minh"

iii) Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký nhận tiền vay.

iv) Lãi suất theo Hợp đồng: 02%/tháng. Lãi suất nợ quá hạn: 150% x lãi suất trong hạn.

Sau khi ông Đ giải ngân toàn bộ số tiền theo Hợp đồng nêu trên thì ngày 15/12/2009, hai bên có đối chiếu công nợ với tổng số tiền mà Công ty NML còn

nợ ông Đ là 55.502.515.333 đồng. Ông Đ đã nhiều lần yêu cầu Công ty NML gặp mặt trực tiếp để thanh toán tiền nợ nhưng đều bị từ chối. Ngày 01/12/2021, sau nhiều lần ông Đ đề nghị thì hai bên đã gặp mặt để đối chiếu công nợ. Hai bên đã thống nhất dư nợ gốc mà Công ty NML còn thiếu ông Đ là 53.478.000.000 đồng. Ông Đ đã nhiều lần yêu cầu phía Công ty NML trả tiền vay cho ông Đ nhưng đều không được thực hiện, phía Công ty NML cũng trốn tránh trong việc trả nợ. Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ đang bị xâm phạm nghiêm trọng.

Ông Đ khởi kiện yêu cầu Toà án buộc Công ty NML phải thanh toán cho ông Đ một lần số tiền như sau:

- Tiền nợ gốc là: 53.478.000.000 đồng.

- Tiền lãi suất và lãi quá hạn của Hợp đồng tạm tính từ ngày 08/12/2009 đến ngày 08/6/2010 theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm tương đương với số tiền là: 53.478.000.000 đồng x 06 tháng x 20%/năm = 1.782.600.000 đồng.

- Tiền lãi phạt quá hạn tạm tính từ ngày 09/06/2010 đến ngày 08/01/2022 là 150% lãi suất trong hạn: 53.478.000.000 đồng x 141 tháng x 20%/năm x 150% = 188.554.515.000 đồng.

Tổng cộng số tiền ông Trần Nghĩa Đ yêu cầu Công ty NML trả một lần là 243.815.115.000 đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 440/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Nghĩa Đ:

Buộc Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML phải thanh toán cho ông Trần Nghĩa Đ số tiền 116.369.670.000 đồng; trong đó nợ gốc là 53.478.000.000 đồng, tiền lãi 62.891.670.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/02/2024, Công ty TNHH AP có đơn đề nghị xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự sơ thẩm số 440/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27/5/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ban hành quyết định kháng nghị số 139/QĐ-VKS-DS, kháng nghị đối với bản án nêu trên theo hướng hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 440/2022/DS-ST ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06/8/2024, Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định giám đốc thẩm số 219/2024/DS-GĐT đã quyết định:

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 440/2022/DS-ST ngày 30/9/2022

của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình tố tụng tại sơ thẩm lần 02, ông Trần Nghĩa Đ giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện tại đơn khởi kiện ngày 05/01/2022.

Theo Đơn khởi kiện ngày 03/10/2023 và trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn Công ty TNHH AP do ông Hà Hữu T làm người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ông Hồ Minh H và vợ là bà Phạm Thị Ái L trực tiếp quản lý và điều hành Công ty TNHH MC và Công ty TNHH AP (sau đây gọi là Công ty MC, Công ty AP). Công ty AP thành lập từ tháng 03/2003 với ngành nghề chính là kinh doanh cho thuê kho xưởng. Từ tháng 6/2005, công ty tiếp nhận thành viên mới là bà Phạm Thị Ái L và sau đó là ông Hồ Minh H. Ban đầu, bà Phạm Thị Ái L giữ chức vụ Giám đốc, bà L thuê ông Lê Viết Tr làm Phó Giám đốc. Từ tháng 12/2008, Ông Hồ Minh H làm Giám đốc và bà Phạm Thị Ái L làm Phó Giám đốc Công ty NML. Ông H và bà L thuê ông Lê Viết Tr làm Giám đốc Công ty MC, còn bà L cũng làm Phó Giám đốc tại Công ty MC. Thời gian này, Công ty AP bắt đầu vay các khoản tín dụng lớn, ông H lập thêm các Công ty để mở rộng quy mô, đầu tư góp vốn với các doanh nghiệp khác để kinh doanh bất động sản.

Do Công ty AP là doanh nghiệp duy nhất có tài sản kho xưởng để thế chấp vay vốn kinh doanh. Các năm 2006 - 2007 chỉ vay khoảng 30-50 tỷ đồng, từ khi quản lý công ty ông H bà L lập khống hệ thống sổ sách kế toán báo cáo lợi nhuận giả để các thành viên góp vốn tại Công ty AP không biết, chấp thuận vay số tiền 100 tỷ đồng tại Ngân hàng V và 150 tỷ đồng tại Ngân hàng N. Nguồn vốn vay này để kinh doanh nông sản chỉ một phần, còn lại là mua bất động sản xây kho xưởng tại huyện BC và hợp tác cho vay đối với Công ty NML tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ tháng 05 đến tháng 08/2009, Ông Hồ Minh H với tư cách Giám đốc Công ty AP đã thực hiện các thỏa thuận cho vay tiền đối với Công ty NML lúc này do ông Nguyễn Minh Ta làm Giám đốc để xây dựng dự án chung cư NML. Thực hiện việc này, ngày 23/5/2009 Công ty AP do ông H làm Giám đốc ủy quyền cho ông Trần Nghĩa Đ, đại diện công ty ký kết hợp đồng vay với Công ty NML do ông Ta là Giám đốc. Do vậy, ngày 03/6/2009 ông Đ ký Hợp đồng cho vay tiền và cùng ông Ta ký Biên bản làm việc có nội dung: Công ty AP cho Công ty NML vay số tiền 60 tỷ đồng. Để đảm bảo khoản vay này, Công ty NML phải dùng tài sản để thế chấp bảo lãnh cho khoản vay của Công ty AP tại Ngân hàng V chi nhánh Bình Dương, tài sản thế chấp bảo lãnh là quyền sử dụng đất toạ lạc tại địa chỉ số 1006 đường E, phường E, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK486XXX, sổ vào sổ cấp GCN số H01212/270XX do Ủy ban nhân dân quận E cấp cho ông Nguyễn Minh Ta và bà Triệu Thị MH ngày 05/9/2007 (tài sản này đã được vợ chồng ông Ta, bà MH góp vốn vào Công ty NML theo Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất số

38080 ngày 06/9/2007 chứng thực tại Phòng Công chứng Số 4 - Thành phố Hồ Chí Minh, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật). Theo thỏa thuận, Công ty NML phải trả lãi vay theo lãi suất cho vay của Ngân hàng V đối với Công ty AP tại thời điểm tháng 06/2009.

Vì cùng lúc điều hành Công ty AP và Công ty MC, bà Phạm Thị Ái L được chồng giao quản lý, đứng tên chủ tài khoản cả hai công ty. Mọi sự điều hành kinh doanh và tài chính được thực hiện tại Công ty MC. Do vậy khi cho vay tiền, bà Phạm Thị Ái L sử dụng tư cách Phó Giám đốc Công ty MC trực tiếp chi tiền nhiều lần cho ông Nguyễn Minh Ta Giám đốc Công ty NML làm đại diện, số tiền thực nhận là 52.978.000.000 đồng. Ông Lê Viết Tr tuy làm Giám đốc Công ty MC nhưng không được tham gia và không quyết định gì đến công việc tại đây. Tính gộp các khoản lãi cho từng lần vay và phí dịch vụ thì số tiền vay được hai bên thống nhất làm tròn là 60 tỷ đồng. Tuy nhiên, từ tháng 12/2009 các thành viên của Công ty AP phát hiện ông H bà L đã nhân danh công ty vay nợ quá nhiều tại các ngân hàng và ứng trước vốn kinh doanh rất lớn của khách hàng. Biết trước sự việc xảy ra, hai vợ chồng lấy lý do về quê ở TH-Phú Yên làm tang mẹ già, sau đó bỏ trốn, không đến công ty làm việc. Công ty AP đã tố cáo tội phạm đến Công an tỉnh Bình Dương và Ngân hàng N tại Hà Nội, tố cáo tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an. Từ khi ông Hậu, bà L bỏ trốn và bị khởi tố, truy nã thì Công ty NML không thanh toán bất cứ một khoản gốc và lãi nào cho Công ty AP. Quá trình điều tra vụ án, cơ quan tố tụng đã thu giữ toàn bộ các hồ sơ chứng từ mà ông H, bà L đã kinh doanh buôn bán nông sản tại Công ty AP và Công ty MC. Bộ hồ sơ gốc liên quan đến các thỏa thuận vay nợ, cầm cố tài sản giữa AP và NML được vợ chồng ông H, bà L tẩu tán, chỉ để lại các bản photocopy tại công ty. Cơ quan điều tra đã thu giữ rất nhiều các các phiếu chi tiền bản chính tại Công ty MC, thể hiện Công ty NML đã nhận nợ số tiền mặt là 52.978.000.000 đồng.

Về vấn đề này, Công ty AP đã nhiều lần khiếu nại và kêu cứu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an và Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao trong việc xử lý trách nhiệm của Công ty NML và cá nhân vợ chồng ông H, bà L để thu hồi lại số tiền này làm tài sản khắc phục hậu quả trả nợ cho Công ty AP tại các ngân hàng. Tuy nhiên, các Cơ quan tố tụng hình sự xác định đây là tranh chấp dân sự, không có yếu tố hình sự, là quan hệ vay nợ có cầm cố tài sản giữa Công ty AP và Công ty NML. Công ty MC và ông Trần Nghĩa Đ chỉ là bên đại diện giao nhận tiền, không phải chủ thể có quyền đòi nợ đối với Công ty NML. Do vậy, lần cuối cùng là ngày 09/4/2019 Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao - Vụ 3 phúc đáp văn bản số 1412/VKSTC-V3 gửi Công ty AP với nội dung kết luận Công ty NML là bên vay nợ dân sự số tiền 52.978.000.000 đồng của Công ty AP. Đến trực tiếp làm việc tại Cơ quan điều tra, Công ty AP được hướng dẫn khởi kiện vụ án dân sự riêng để đòi lại số tiền này. Đây chính là căn cứ pháp lý cuối cùng, có giá trị cao nhất để Công ty AP khởi kiện, đòi lại tiền vay và lãi suất kèm theo từ Công ty NML.

Công ty AP khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1. Buộc Công ty NML trả cho Công ty AP số tiền gốc còn nợ là 52.978.000.000 đồng.

2. Buộc Công ty NML trả cho Công ty AP số tiền lãi tạm tính từ tháng 27/8/2009 đến ngày 28/02/2024 theo quy định của Ngân hàng V(tháng 06/2009 = 10.5%/năm) tương ứng với số tiền là:

- Tiền lãi trong hạn và quá hạn: 52.978.000.000 đồng x 1.31%/tháng x 174 tháng = 120.758.053.200 đồng.

- Tiền phạt lãi quá hạn: 02% x 120.758.053.200 đồng = 2.415.161.064 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty NML phải trả cho Công ty AP tạm tính đến ngày 28/02/2024 là 176.151.214.264 đồng.

3. Nếu Công ty NML không trả nợ thì đề nghị Toà án tuyên phát mãi quyền sử dụng đất có diện tích 3012,4m² thuộc thửa đất số 501, tờ bản đồ số 104 (BĐĐC-2005) tọa lạc tại địa chỉ số 1006 đường E, phường E, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK486XXX, sổ vào sổ cấp GCN số H01212/270XX do Ủy ban nhân dân quận E cấp cho bà Triệu Thị MH ngày 05/9/2007 đã đăng ký góp vốn vào Công ty NML ngày 06/9/2007 để thu hồi nợ cho Công ty TNHH AP.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Công ty AP xác định yêu cầu như sau:

1. Buộc Công ty NML trả cho Công ty AP số tiền gốc còn nợ là 52.978.000.000 đồng.

2. Buộc Công ty NML trả cho Công ty AP số tiền lãi tạm tính từ ngày 16/12/2009 (ngày xác nhận công nợ) đến ngày xét xử sơ thẩm (31/3/2025) theo quy định của Ngân hàng V(vào tháng 06/2009 = 10.5%/năm) như sau:

- Lãi trong hạn theo quy định của Ngân hàng V tính từ ngày 16/12/2009 đến ngày 16/3/2010 tương đương là 90 ngày: 52.978.000.000 đồng x 90 ngày x 10.5%/năm = 1.371.282.552 đồng.

- Lãi quá hạn từ ngày 16/3/2010 đến ngày 31/3/2025 tương đương là 5.490 ngày: 52.978.000.000 đồng x 5.490 ngày x (150%x10.5%/365) = 127.246.533.750 đồng.

- Tiền phạt vi phạm do quá hạn không thanh toán: 2% x (127.246.533.750 đồng + 1.371.282.552 đồng + 52.978.000.000 đồng) = 3.631.916.326 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi Công ty AP yêu cầu Công ty NML trả tạm tính đến ngày 31/3/2025 là 185.227.732.628 đồng. Trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

3. Công ty TNHH AP rút yêu cầu Toà án tuyên phát mãi quyền sử dụng đất có diện tích 3012,4m² thuộc thửa đất số 501, tờ bản đồ số 104 (BĐĐC-2005) tọa lạc tại địa chỉ số 1006 đường E, phường E, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK486XXX, sổ vào sổ cấp GCN số H01212/270XX do Ủy ban nhân dân quận E cấp cho bà Triệu Thị MH ngày

05/9/2007 đã đăng ký góp vốn vào Công ty NML ngày 06/9/2007 để thu hồi nợ cho Công ty TNHH AP.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML vắng mặt và không có trình bày ý kiến.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải MC do ông Lê Viết Tr làm đại diện theo pháp luật có đơn xin giải quyết vắng mặt và có bản tự khai ngày 19/12/2023 trình bày như sau:

Bà Phạm Thị Ái L cùng chồng là Ông Hồ Minh H trực tiếp quản lý và điều hành Công ty TNHH MC - quận E- TP.HCM; Công ty TNHH AP - DA - Bình Dương để hoạt động kinh doanh nông sản. Ông H và bà L trực tiếp điều hành mọi hoạt động tại Công ty MC. Từ năm 2007, ông được bà Phạm Thị Ái L giao làm Phó giám đốc Công ty TNHH AP tại DA - Bình Dương, phụ trách theo dõi hợp đồng mua bán trong nước. Từ tháng 4/2009, bà Phạm Thị Ái L và Ông Hồ Minh H nhờ ông đứng tên làm Giám đốc Công ty TNHH MC. Lúc này ông H làm Giám đốc Công ty AP, bà L làm Phó giám đốc cùng lúc cả Công ty MC và Công ty AP. Ngày 21/4/2009, bà L và ông H nói ông ký Giấy ủy quyền cho ông Trần Nghĩa Đ đại diện Công ty MC ký kết các thỏa thuận tài chính với Công ty NML. Tuy nhiên, sau đó bà L và ông H cho ông biết Công ty MC không có tài sản thế chấp cho Ngân hàng N, do vậy không đủ nguồn tiền để đầu tư cho vay. Việc này chuyển qua Công ty AP, vì Công ty AP có kho xưởng đang được thế chấp vay vốn tại Ngân hàng V, do vậy thu xếp nguồn tiền sẽ thuận lợi hơn, bên Công ty AP sẽ cho vay và nhận tài sản thế chấp của Công ty NML để vay vốn tại Ngân hàng V.

Khoảng thời gian từ tháng 05 đến tháng 08/2009 Ông Hồ Minh H Giám đốc Công ty AP đã trực tiếp thỏa thuận cho vay tiền đối với Công ty NML do ông Nguyễn Minh Ta làm Giám đốc đại diện. Vì nguồn tiền cho vay được sử dụng từ vốn vay của Ngân hàng V, do vậy Công ty AP và Công ty NML đã thống nhất tính theo lãi suất mà Công ty AP đang vay nợ tại ngân hàng thời điểm tháng 06/2009. Ngày 23/5/2009, Ông Hồ Minh H ủy quyền cho ông Trần Nghĩa Đ, nhân viên công ty đại diện ký kết với Công ty NML. Ngày 03/6/2009, đại diện Công ty AP là ông H và ông Đ ký thỏa thuận cho vay tiền với Công ty NML, cá nhân ông Đ ký Hợp đồng cho vay. Công ty NML cùng ông Ta bà MH cầm cố quyền sử dụng đất tại địa chỉ 1006 đường E, phường E, quận E để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Tài sản này ban đầu đứng tên bà Triệu Thị MH, sau đó đã góp vốn vào Công ty NML để làm dự án xây dựng chung cư. Ông Nguyễn Minh Ta là Giám đốc, người đại diện pháp luật Công ty NML trực tiếp đến nhận tiền vay tại Công ty MC do bà Phạm Thị Ái L chi tiền, số tiền thực nhận là 52.978.000.000 đồng. Ông Trần Nghĩa Đ chỉ là người ký giấy tờ theo ủy quyền của ông Hồ Minh H, ông Đ không được quyết định mọi việc có liên quan. Ông Tr làm Giám đốc Công ty MC cũng không được tham gia vào quá trình điều hành này của ông H và bà L.

Từ tháng 11/2009, Hội đồng thành viên Công ty AP thu giữ lại con dấu

công ty, yêu cầu ông H và bà L dừng kinh doanh nông sản vì phát hiện kinh doanh thua lỗ, báo cáo không trung thực. Đến khoảng giữa tháng 12/2009, ông H và bà L cùng bỏ trốn, Công ty AP và các ngân hàng gửi đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương và Bộ Công an. Sau đó, tháng 02/2010 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đã khởi tố Hồ Minh H và Phạm Thị Ái L lợi dụng Công ty AP; Công ty MC; Công ty ABP để lừa đảo chiếm đoạt tiền vay tại Ngân hàng N. Sau khi khởi tố Hậu và Loan, Cơ quan điều tra đã thu giữ toàn bộ các hồ sơ tài liệu kinh doanh nông sản tại các công ty do ông H và bà L cùng điều hành, trong đó Cơ quan điều tra đã thu giữ rất nhiều các phiếu chi tiền bản chính tại Công ty MC, thể hiện Công ty NML đã vay nợ Công ty AP số tiền 52.978.000.000 đồng.

Sau khi biết ông H và bà L bỏ trốn, ông Nguyễn Minh Ta Giám đốc Công ty NML đã nhiều lần làm việc với Công ty AP để xử lý công nợ, tuy nhiên vì Công ty AP không có người đại diện để giải quyết. Những năm sau này, lợi dụng việc Ngân hàng N - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh bị Cơ quan điều tra khởi tố hình sự, ông Nguyễn Minh Ta cùng ông Trần Nghĩa Đ đã cùng nhau ký kết những thỏa thuận bất hợp lý, nhằm giúp đỡ khắc phục hậu quả cho Ngân hàng N, tuy nhiên những thỏa thuận mang tính cá nhân này đã được Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an và Viện kiểm sát nhân dân Tối cao không chấp nhận. Các cơ quan tố tụng cũng đã kết luận tài sản của Công ty NML có giá trị thế chấp tại Ngân hàng V để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty AP. Viện kiểm sát nhân dân Tối cao cũng đã có kết luận Công ty NML là bên vay nợ dân sự số tiền 52.978.000.000 đồng của Công ty AP. Do vậy, Công ty AP khởi kiện đòi nợ đối với Công ty NML là chính xác. Công ty MC không có quyền lợi gì đối với khoản tiền này, ông Trần Nghĩa Đ không có tư cách gì để đại diện Công ty MC hoặc Công ty AP quyết định các vấn đề này. Công ty MC và Công ty AP đã chấm dứt những ủy quyền trước đây với ông Trần Nghĩa Đ từ ngày ông H và bà L bỏ trốn.

Đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty NML phải có nghĩa vụ trả lại Công ty AP số tiền vay nợ gốc từ tháng 07 đến tháng 08/2009 và lãi suất tính đến ngày xét xử theo lãi suất Công ty AP vay nợ tại Ngân hàng V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Hồ Thị H xin vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến ngày 27/5/2022 như sau:

Bà không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Nghĩa Đ. Bà thống nhất với ý kiến của nguyên đơn là ông Trần Nghĩa Đ đối với nội dung vụ án. Do tuổi cao, sức khỏe không tốt nên bà xin vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án.

Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành quyết định nhập vụ án số 21/QĐST-KDTM ngày 14/01/2025 nhập 02 vụ án do ông Trần Nghĩa Đ khởi kiện Công ty NML và vụ án do Công ty AP khởi kiện Công ty NML thành vụ án có 02 nguyên đơn là ông Trần Nghĩa Đ, Công ty AP với bị đơn là Công ty NML.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 26/2025/KDTM-ST ngày 31 tháng 03 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH AP cụ thể như sau:

[1.1] Buộc bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Công ty TNHH AP tổng cộng số tiền gốc, lãi, phạt tạm tính từ ngày 16/12/2009 đến ngày 31/3/2025 là: 183.426.449.784 đồng.

- Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Địa điểm thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

[1.2] Đình chỉ yêu cầu tuyên phát mãi quyền sử dụng đất có diện tích 3012,4m² thuộc thửa đất số 501, tờ bản đồ số 104 (BĐDC-2005) tọa lạc tại địa chỉ số 1006 đường E, phường E, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK486XXX, sổ vào sổ cấp GCN số H01212/270XX do Ủy ban nhân dân quận E cấp cho bà Triệu Thị MH ngày 05/9/2007 đăng ký góp vốn vào Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML ngày 06/9/2007 để thu hồi nợ của nguyên đơn Công ty TNHH AP.

[2] Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Nghĩa Đ.

[3] Dành quyền khởi kiện tại vụ án khác cho Công ty TNHH thương mại dịch vụ vận tải MC đối với Công ty TNHH AP với số tiền 52.978.000.000 đồng, khi có yêu cầu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

Ông Trần Nghĩa Đ có đơn kháng cáo đề ngày 14/4/2025, với lý do bản án sơ thẩm đánh giá thiếu khách quan, toàn diện các tài liệu chứng cứ trong vụ án. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của ông Trần Nghĩa Đ và không chấp nhận yêu cầu của Công ty AP.

Công ty NML có đơn kháng cáo đề ngày 08/9/2025, với lý do bản án sơ thẩm không đúng thực tế, chưa xem xét đáng giá hết các tài liệu chứng cứ và có những vi phạm về tố tụng. Đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Nghĩa Đ trình bày kháng cáo: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại căn cứ vào chứng cứ về việc giao kết hợp đồng vay, chứng cứ về việc giao nhận tiền và văn bản xác nhận nợ giữa ông Đ và ông Nguyễn Minh Ta giám đốc công ty NML để sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty AP hoặc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại nếu chưa đủ căn cứ.

Người đại diện hợp pháp của Công ty NML trình bày kháng cáo: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo toàn bộ vụ án và đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho Công ty NML vì những lý do như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, ông Phạm Đức Q là người đại diện pháp luật của Công ty NML đã chết ngày 21/7/2024 nhưng Hội đồng thành viên công ty chưa họp để cử người đại diện theo pháp luật mới. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh mà vẫn tổng đạt các văn bản cho ông Q là chưa phù hợp với quy định của pháp luật. Bản án nhận định căn cứ vào chứng cứ là văn bản số 1412/VKSTC-V3 ngày 09/4/2019 do Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Vụ 3 ban hành tuy nhiên tài liệu này chưa được ghi nhận trong các biên bản công khai chứng cứ trong quá trình tố tụng tại sơ thẩm.

- Về nội dung: Công ty NML không vay tiền của Công ty AP, giữa các bên không có hợp đồng vay cũng như các giấy tờ về việc giao nhận tiền. Công ty NML chỉ bảo lãnh cho khoản vay của Công ty AP tại Ngân hàng V, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại địa chỉ 1006 đường E, phường E, quận E, thành phố Hồ Chí Minh (thuộc thửa đất số 501, tờ bản đồ 104) được ông Nguyễn Minh Ta và bà Triệu Thị MH góp vốn vào công ty NML. Vụ việc tranh chấp hợp đồng bảo lãnh này được khởi kiện tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương và đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật ngày 29/9/2025. Ngoài ra, Hợp đồng vay ghi với số tiền là 60 tỷ nhưng bản án sơ thẩm xác định nguyên đơn chỉ mới giải ngân tổng cộng số tiền là hơn 52 tỷ như vậy nguyên đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng nên Công ty NML chưa phát sinh nghĩa vụ của bên vay, nên không vi phạm thời hạn thanh toán và trả lãi. Đồng thời, bản án sơ thẩm áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để làm căn cứ tính lãi suất là không phù hợp về thời điểm giao dịch.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Nghĩa Đ và trình bày kháng cáo của ông Đ thì người đại diện pháp luật mới hiện nay của Công ty NML không có ý kiến vì không biết được các giao dịch trước đây mà người đại diện pháp luật cũ đã thực hiện như thế nào, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Người đại diện hợp pháp của Công ty AP là nguyên đơn trình bày: Công ty AP giữ nguyên nội dung trình bày và các yêu cầu như tại cấp sơ thẩm, đề nghị

cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm và bác toàn bộ kháng cáo của ông Trần Nghĩa Đ và Công ty NML vì:

- Đối với kháng cáo của ông Trần Nghĩa Đ: Ông Đ ký hợp đồng vay với Công ty NML là theo ủy quyền của Công ty AP. Toàn bộ khoản tiền cho vay là do Công ty AP thông qua Công ty MC giao trực tiếp cho Công ty NML. Nội dung này đã được các cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát nhân dân tối cao xác định trong các văn bản thông báo, trả lời cho Công ty AP.

- Đối với kháng cáo của Công ty NML: Thực tế Công ty NML hoàn toàn biết sự việc Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết vụ án từ trước khi ông Phạm Đức Q là người đại diện theo pháp luật chết rất lâu, nhưng Công ty NML cố tình vắng mặt không đến tòa. Khi ông Q mất thì Công ty NML cũng không thông báo cho Tòa án và không cử người đại diện pháp luật mới nên Tòa án xử vắng mặt Công ty NML là đúng quy định. Về nghĩa vụ trả nợ của Công ty NML được xác định dựa vào các tài liệu là biên bản xác nhận tiền vay, nhận nợ giữa các bên. Về lãi suất áp dụng đã được các bên thỏa thuận trong hợp đồng vay là tính theo lãi suất của Ngân hàng V.

Người đại diện hợp pháp của Công ty MC là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Công ty MC giữ nguyên nội dung trình bày tại cấp sơ thẩm. Các nội dung kháng cáo của ông Trần Nghĩa Đ và Công ty NML là không có căn cứ nên đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng vụ án: các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của Công ty NML là ông Phạm Đức Q đã chết vào ngày ngày 21/7/2024 nhưng Hội đồng thành viên công ty chưa họp để cử người đại diện theo pháp luật mới. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh làm rõ mà vẫn tổng đạt các văn bản cho ông Q là vi phạm thủ tục tố tụng về tổng đạt cho người đại diện của pháp nhân làm ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự. Đồng thời, Bản án nhận định căn cứ vào chứng cứ là văn bản số 1412/VKSTC-V3 ngày 09/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Tối cao nhưng tài liệu này chưa được tòa án cấp sơ thẩm thu thập theo đúng trình tự và không được ghi nhận trong biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ là có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thu thập và đánh giá chứng cứ. Do cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng

về thủ tục tố tụng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm giao về cho Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử, nhận định:

[1] Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án đúng theo thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của Pháp luật tố tụng.

[2] Đơn kháng cáo của ông Trần Nghĩa Đ là nguyên đơn còn trong thời hạn kháng cáo, có hình thức và nội dung đúng quy định nên được chấp nhận.

[3] Đơn kháng cáo của Công ty NML đã quá thời hạn kháng cáo nhưng được Hội đồng xét kháng cáo quá hạn chấp nhận tại Quyết định chấp nhận việc kháng cáo quá hạn số 122/2025/QĐ-PT ngày 26/12/2025.

[4] Phạm vi kháng cáo: Ông Trần Nghĩa Đ, Công ty NML kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nên căn cứ quy định của Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ các yêu cầu của đương sự trong vụ án.

[5] Xét tư cách tham gia tố tụng của người đại diện Công ty NML: Tại cấp phúc thẩm ông Phạm Đức N là thành viên của Công ty NML đề nghị được chỉ định là đại diện Công ty NML tham gia tố tụng với lý do ông Phạm Đức Q là Chủ tịch hội đồng thành viên và là người đại diện theo pháp luật của Công ty NML được ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã chết, đồng thời thành viên còn lại là ông Nguyễn Minh Ta cũng đã chết và thành viên còn lại là ông Hòa HN thì không liên hệ được nên không thể thực hiện thủ tục cử hoặc bầu người đại theo diện pháp luật như quy định tại khoản 5 Điều 12 và khoản 4 Điều 56 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

[6] Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 28/03/2022 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và Đầu tư cấp, thì Công ty NML có 04 thành viên góp vốn với tỉ lệ lần lượt là ông Phạm Đức Q 40%, ông Nguyễn Minh Ta 47%, ông Hòa HN 2%, ông Phạm Đức N 2%. Căn cứ vào tài liệu do ông Phạm Đức N nộp là giấy chứng tử của ông Phạm Đức Q, giấy chứng tử của ông Nguyễn Minh Ta, cùng với giấy khai sinh thể hiện ông Phạm Đức N là con ruột của ông Phạm Đức Q và căn cứ quy định tại khoản 7 Điều 12 Luật Doanh nghiệp năm 2020, Hội đồng xét xử nhận thấy Công ty NML là bị đơn trong vụ án hiện không có người đại diện pháp luật và không thực hiện được thủ tục chỉ định người đại diện pháp luật nên đề nghị của ông Phạm Đức N được chỉ định tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Công ty NML để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng trong vụ án là phù hợp quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi chính đáng của đương sự nên chấp nhận, chỉ định ông Phạm Đức N tham gia tố

tụng là người đại diện theo pháp luật của Công ty NML trong vụ án này, đồng thời thông báo cho các đương sự khác trong vụ án được biết.

[7] Về xét xử vắng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Hồ Thị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Xét kháng cáo của Công ty NML đề nghị hủy án do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng trong việc tổng đạt và xét xử vắng mặt Công ty NML:

[9] Hồ sơ thể hiện: Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty NML (bl 426) thể hiện Công ty NML có trụ sở chính tại số 47 đường D9, Phường TT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và người đại diện theo pháp luật là ông Phạm Đức Q có địa chỉ thường trú tại số B1. 09 T4 A, 295TQ, phường TN, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và địa chỉ liên lạc số 1006 đường E, Phường E, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; Theo kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm do Công an phường TN, quận T cung cấp ngày 22/03/2024 (bl 425) thì ông Phạm Đức Q hiện đang sinh sống tại địa chỉ 53 -55 đường S, phường TT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

[10] Tại các bút lục 223 – 241, bút lục 284-286; bút lục 296-298; bút lục 302-314; bút lục 330; bút lục 461 – 463; bút lục 484 – 487; bút lục 500 thể hiện: Trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng gồm Thông báo thụ lý vụ án, Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ ngày 17/4/2024 và giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/01/2025 và giấy triệu tập, Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 05/03/2025 và giấy triệu tập, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa ngày 31/03/2025 cho Công ty NML tại địa chỉ trụ sở số 47 đường D9, Phường TT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và cho người đại diện theo pháp luật của Công ty NML là ông Phạm Đức Q tại các địa chỉ số 1006 đường E, Phường E, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; số B1.09 T4A, 295 đường TQ, phường TN, quận T, TP.HCM và số 53-55 đường S7, phường TT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng Công ty NML không cử người đại diện hợp pháp đến tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành hòa giải được nên đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty NML vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất ngày 05/03/2025 và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 vào ngày 31/03/2025 nên tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt Công ty NML là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhận định cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng khi không thực hiện xác minh khi có thông tin người đại diện pháp luật của Công ty NML đã chết để tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ Công ty NML cử người đại diện pháp luật mới, tuy nhiên hồ sơ không thể hiện về việc sau thời điểm nhận được kết quả xác minh do Công an phường TN, quận T cung cấp ngày

22/03/2024 có thông tin “ông Phạm Đức Q hiện đang sinh sống tại địa chỉ 53 - 55 đường S7 phường TT, quận T, TP.HCM” thì cấp sơ thẩm đã có biết thông tin người đại diện theo pháp luật của Công ty NML đã chết. Vì vậy, thông tin về việc người đại diện pháp luật của Công ty NML đã chết vào ngày 21/7/2024 được xác định là tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, cần được xem xét.

[11] Tại khoản 5 Điều 12 Luật Doanh nghiệp quy định trường hợp người đại diện theo pháp luật của công ty chết thì chủ sở hữu công ty, Hội đồng thành viên công ty có nghĩa vụ cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty. Theo hồ sơ thể hiện Công ty NML và cá nhân ông Phạm Đức Q khi còn sống đã được cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng trong quá trình tòa án sơ thẩm giải quyết, đã biết Tòa án nhân dân quận Tân Phú đang giải quyết vụ án đòi nợ trong đó Công ty NML với tư cách tố tụng là bị đơn nhưng không đến tòa tham gia tố tụng, không gửi văn bản nêu ý kiến trình bày, sau thời điểm người đại diện theo pháp luật chết Công ty NML vẫn tiếp tục được cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không thực hiện thủ tục cử người đại diện pháp luật mới để tham gia tố tụng hoặc thông báo cho tòa án biết về việc người đại diện pháp luật của công ty đã chết. Như vậy, Công ty NML đã không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự trong vụ án. Bản thân ông Phạm Đức N là thành viên của Công ty NML cũng cư ngụ tại số nhà 53-55 đường S7, phường TT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cùng địa chỉ với ông Phạm Đức Q nên không thể không biết về việc Công ty NML là bị đơn trong vụ án đang được giải quyết tại Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh khi tòa án cấp sơ thẩm thực hiện thủ tục tổng đạt tại đây, nhưng ông Nam cũng không thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Công ty NML khi người đại diện pháp luật của công ty đã chết. Như vậy, tại cấp sơ thẩm Công ty NML và cá nhân người đại diện pháp luật của công ty đã không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự trong vụ án nên phải gánh chịu hậu quả pháp lý bị tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt là đúng quy định. Tại cấp phúc thẩm Hội đồng xét xử đã chỉ định ông Phạm Đức N tham gia tố tụng là người đại diện theo pháp luật để thực hiện quyền kháng cáo và trực tiếp thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng của Công ty NML trong vụ án là đảm bảo đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự trong vụ án. Vì vậy, tại cấp phúc thẩm, Công ty NML đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do không được thực hiện các quyền tố tụng của bị đơn trong giai đoạn sơ thẩm là không phù hợp với các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc tổng đạt cho người đại diện theo pháp luật của Công ty NML làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty NML là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[12] Xét kháng cáo của Công ty NML đề nghị hủy án do cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng trong việc thu thập, xem xét, đánh giá chứng cứ:

[13] Theo hồ sơ thể hiện các tài liệu do các bên đương sự giao nộp và tòa án thu thập được tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 06/01/2025, tại phiên họp có mặt các đương sự là Công ty AP, ông Trần Nghĩa Đ và vắng mặt các đương sự là Công ty NML, Công ty MC, bà Hồ Thị H, Tòa án đã lập biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng ngày và thực hiện thông báo kết quả phiên họp cho các đương sự vắng mặt đúng quy định của khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại cấp sơ thẩm không có đương sự nào phản đối các tài liệu đã được công bố nên các tài liệu được ghi nhận tại biên bản ngày 06/01/2025 được Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm xác định là chứng cứ vụ án là đúng quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[14] Tại cấp phúc thẩm người đại diện hợp pháp của Công ty NML đã có đơn xin sao chụp hồ sơ vụ án và đã được sao chụp toàn bộ các tài liệu chứng cứ được ghi nhận tại biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/01/2025. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Công ty NML xác nhận không phản đối các tài liệu được ghi nhận trong biên bản phiên họp ngày 06/01/2025. Công ty NML chỉ phản đối nhận định trong bản án sơ thẩm liên quan đến tài liệu là “văn bản số 1412/VKSTC-V3 ngày 09/4/2019 do Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao - Vụ 3 ban hành” vì tài liệu này không được ghi nhận trong phiên họp công khai chứng cứ ngày 06/01/2025.

[15] Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, trong hồ sơ có tài liệu là “văn bản số 1412/VKSTC-V3 ngày 09/4/2019 do Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao - Vụ 3 ban hành” là bản photocopy có số bút lục từ 563 đến 565, ngoài ra thì còn có các tài liệu là bản photocopy như: Kết luận giám định số 399/KLGD-NHNN ngày 16/01/2018 của Ngân hàng nhà nước về Kết luận giám định theo quyết định trưng cầu giám định 110 của cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an tại bút lục 552 – 558, Cáo trạng số 136/CT-VKSTC-V3 ngày 12/10/2018 của Viện trưởng VKS tối cao tại bút lục 521 – 539, Bản kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự đề nghị truy tố số 97/CSĐT ngày 12/8/2018 của Cơ quan CSĐT Bộ Công an tại bút lục 540-551, các tài liệu này đều không được ghi nhận trong biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 06/01/2025. Như vậy, kháng cáo của Công ty NML và nhận xét của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với việc thu thập, sử dụng chứng cứ trong giai đoạn tố tụng của cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ là có cơ sở. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện Công ty AP xác nhận những tài liệu này do phía Công ty AP giao nộp trong thời gian diễn ra phiên tòa sơ thẩm đồng thời đã xuất trình bản chính văn bản số 1412/VKSTC-V3 để đối chiếu và giao nộp bổ sung bản photocopy gốc có xác nhận của nơi cung cấp là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đối với các tài liệu là Kết luận giám định số 399/KLGD-NHNN, Cáo trạng số 136/CT-VKSTC-V3, Bản kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự đề nghị truy tố số 97/CSĐT. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của Công ty NML và ông Trần Nghĩa Đ đã được sao chụp, đối chiếu bản các tài liệu này. Căn cứ quy định của Điều 93, Điều 287 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định các tài liệu do Công ty AP giao nộp tại cấp phúc

thẩm gồm: văn bản số 1412/VKSTC-V3 ngày 09/4/2019 do Viện kiểm sát nhân dân Tối Cao - Vụ 3 ban hành, Kết luận giám định số 399/KLGD-NHNN ngày 16/01/2018 của NHNN về Kết luận giám định theo quyết định trưng cầu giám định 110 của cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cáo trạng số 136/CT-VKSTC-V3 ngày 12/10/2018 của Viện trưởng VKS tối cao, Bản kết luận điều tra bổ sung vụ án hình sự đề nghị truy tố số 97/CSĐT ngày 12/8/2018 của Cơ quan CSĐT Bộ Công an là chứng cứ vụ án. Như vậy, việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa được thực hiện đầy đủ ở cấp sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm đã được bổ sung đầy đủ, nên không cần thiết phải hủy án như yêu cầu kháng cáo của Công ty NML và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm.

[16] Xét kháng cáo của Công ty NML về nội dung vụ án:

[17] Xét lời trình bày của Công ty NML về việc Công ty NML không có vay tiền của Công ty AP, giữa các bên không có hợp đồng vay cũng như chứng từ giao nhận tiền, Công ty NML chỉ bảo lãnh cho khoản vay của Công ty AP tại Ngân hàng V và tranh chấp bảo lãnh đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[18] Căn cứ chứng cứ vụ án được ghi nhận trong biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vào ngày 06/01/2025 gồm :

[19] (1) Giấy ủy quyền ngày 23/5/2009 giữa Ông Hồ Minh H– Giám đốc Công ty AP là bên ủy quyền và ông Trần Nghĩa Đ là bên nhận ủy quyền (bl 397), có nội dung: “- Được sự nhất trí của Hội đồng thành viên công ty đồng ý sử dụng lợi nhuận kinh doanh nông sản và một phần vốn vay tại Ngân hàng V để cho vay, triển khai dự án “xây dựng cao ốc văn phòng thương mại dịch vụ và căn hộ ML tại số 1006 đường E, phường E, quận E, TP. HCM ”. Giám đốc Công ty TNHH AP quyết định ủy quyền ông Trần Nghĩa Đ là người đại diện công ty được ký kết các giao dịch, thỏa thuận với Công ty TNHH NML về việc cho vay số tiền đã thống nhất là 60.000.000.000 VNĐ (Sáu mươi tỷ đồng); - Trong mọi trường hợp tham gia ký kết các giao dịch với Công ty NML, ông Trần Nghĩa Đ không được thực hiện những việc làm vượt quá phạm vi ủy quyền, nếu sai phải chịu trách nhiệm với công ty và chịu trách nhiệm trước pháp luật; - Ủy quyền này sẽ không còn hiệu lực, nếu : Bên vay đã nhận tiền vay (bao gồm lãi, phí thỏa thuận); Bên vay hoàn tất thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất đường E Q. E, TP. HCM tại Ngân hàng V bảo lãnh cho Cty TNHH AP vay số tiền 60.000.000.000 đ.”.

[20] (2) Hợp đồng vay tiền ngày 03/6/2009 (bl 378) giữa ông Trần Nghĩa Đ và Công ty NML do ông Nguyễn Minh Ta làm đại diện, có nội dung: “(...) ĐIỀU I. Số tiền vay, mục đích sử dụng tiền vay, thời hạn vay, lãi suất: 1.1 Số tiền vay: 60.000.000.000 VNĐ (Sáu mươi tỷ đồng) được chuyển cho Bên B làm hai lần, lần một 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng), lần hai sau 10 ngày, khi nhận tiền lần một Bên A sẽ chuyển tiếp cho Bên B 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng) còn lại đã thỏa thuận trong hợp đồng này; 1.2 Mục đích sử dụng: Triển khai Dự án “xây dựng cao ốc văn phòng thương mại dịch vụ và căn

hộ ML tại số 1006 đường E, phường E, quận E, TP.HCM; Bên A không chịu trách nhiệm về tính xác thực và hợp pháp của mục đích vay của Bên B. Bên B phải tự đảm bảo mục đích vay đúng pháp luật, đúng thẩm quyền, phù hợp với năng lực của mình và có hiệu quả để thanh toán cho Bên A các khoản vay đến hạn theo hợp đồng này; 1.3 Thời hạn vay: 03 tháng kể từ ngày ký nhận tiền vay; 1.4 Lãi suất: Bằng lãi suất Ngân hàng Ngân hàng V quy định tháng 06/2009. Lãi suất quá hạn = 150% x lãi suất trong hạn; 1.5 Phí: 4%/ tổng giá trị hợp đồng.; **ĐIỀU II. Điều kiện bảo đảm nợ vay:** Bên B tự nguyện cầm cố tài sản hợp pháp của mình cho Bên A bao gồm: - Toàn bộ Dự Án “xây dựng cao ốc văn phòng thương mại dịch vụ và căn hộ ML tại số 1006 đường E, phường E, quận E, TP.HCM” bao gồm: + Quyền sử dụng 3012,4 m² đất đô thị tại 1006 đường E, phường E, quận E, TP.HCM. Thửa đất số 501 tờ bản đồ số 104 (BDDC-2005), theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01212/270XX ngày 05 tháng 09 năm 2007 của UBND Quận E; + Tài sản gắn liền với lô đất trên là Dự Án “xây dựng cao ốc văn phòng thương mại dịch vụ và căn hộ ML tại số 1006 đường E, phường E, quận E, TP.HCM; + Ba căn nhà 44-45-46 Đường D9, KCN TB, P.TT, Q.T, TP.HCM (...).”.

[21] Đối với Hợp đồng vay tiền ngày 03/6/2009 (bl 48-49) có nội dung: “Bên A (Bên cho vay) Họ tên: Trần Nghĩa Đ (...) Theo ủy quyền Số 01/UQ-MC ngày 27/4/2009 của Giám đốc Cty TNHH SX-TM-XDDV VT MC (...) 1.3 Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày ký nhận tiền vay; 1.4 Lãi suất: 2%/tháng (...); Điều II Điều kiện bảo đảm nợ vay: Bên B tự nguyện cầm cố tài sản hợp pháp của mình cho bên A bao gồm: Toàn bộ Dự án “xây dựng cao ốc (...)” bao gồm: - Quyền sử dụng 3012,4m² đất (...); - Tài sản gắn liền với đất (...).”. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện ông Trần Nghĩa Đ và người đại diện Công ty MC đều xác định hợp đồng vay tiền này các bên không thực hiện, đồng thời người đại diện Công ty NML cũng trình bày không biết hợp đồng này, do vậy tài liệu này không được xác định là chứng cứ để xem xét trong vụ án.

[22] (3) Biên bản làm việc v/v Thỏa thuận hợp tác ngày 03/6/2009 (bl 398) giữa Công ty NML và ông Trần Nghĩa Đ đại diện Công ty AP, có nội dung: “ (...) 3. Nội dung cuộc họp: Tập đoàn AP đồng ý cho Cty NML vay 60.000.000.000 đồng (Sáu mươi tỷ đồng) để rút các tài sản của NML gồm hồ sơ dự án “Cao ốc ML” và các tài sản khác còn thế chấp tại Ngân hàng với lãi suất Ngân hàng quy định và các phí trong thời gian từ ngày 04/06/2009 đến ngày 06/06/2009: - Tiến hành thủ tục pháp lý để đại diện Cty NML – ông Nguyễn Minh Ta tham gia vào tập đoàn AP với tư cách là một thành viên, và đại diện của Tập đoàn AP – ông Trần Nghĩa Đ tham gia vào Công ty NML với tư cách là một thành viên; - Triển khai đồng thời hai dự án “Cao ốc ML” và xây dựng chung cư thu nhập thấp tại KCN LMX huyện BC khoảng 3,8 ha (...).”.

[23] (4) Biên bản thỏa thuận ngày 24/8/2009 (bl 400) giữa ông Trần Nghĩa Đ và Công ty NML, có nội dung: “(...) Căn cứ vào hợp đồng vay tiền ngày 03/06/2009 và biên bản làm việc ngày 03/06/2009 giữa hai bên, chúng tôi thống nhất đi đến các thỏa thuận sau: - Thực hiện cam kết 10 ngày (Mười ngày) sau

ngày giải ngân đầu tiên (ngày 30/07/2009) bên A giải ngân tiếp 10.000.000.000 đ (Mười tỷ đồng) cho bên B để rút hồ sơ ba căn nhà của bên B đang thế chấp tại Ngân hàng TN và được nhắc lại theo thỏa thuận của biên bản làm việc ngày 18/08/2009; - Bên B đồng ý ủy quyền cho bên A là ông Trần Nghĩa Đ đứng bảo lãnh cho Cty TNHH AP vay số tiền là 60.000.000.000 đ (Sáu mươi tỷ đồng) tại Ngân hàng V. Số tiền 60.000.000.000 đ (Sáu mươi tỷ đồng) này sẽ được chuyển về cho Cty TNHH NML do Ông Nguyễn Minh Ta làm đại diện; - Chậm nhất là một ngày sau khi ký hợp đồng ủy quyền công chứng tại Phòng công chứng số 4 thì bên A phải giải ngân số tiền theo thỏa thuận cho bên B; - Bên A có thể dùng số tiền 50.313.120.000 đ (Năm mươi tỷ ba trăm mười ba triệu một trăm hai mươi ngàn đồng) đã cho bên B vay vào ngày 30/07/2009 làm vốn góp 40% (Bốn mươi phần trăm) để hợp tác kinh doanh xây dựng cao ốc bảo đảm lãi suất của phương án mà bên B đưa ra; - Tất cả các văn bản đã ký trước đây giữa bên A và bên B sẽ được thực hiện theo đúng như cam kết (...)

[24] (5) Biên bản làm việc ngày 20/9/2009 (bl 402) giữa Công ty NML và ông Trần Nghĩa Đ đại diện Cty AP có nội dung: “(...)1. Thống nhất khoản vay: - Theo hợp đồng vay tiền và biên bản làm việc cùng ký ngày 03/06/2009 giữa Cty NML và Ông Trần Nghĩa Đ đại diện Cty AP thống nhất khoản tiền Cty NML vay của Ông Trần Nghĩa Đ là 60.000.000.000 đ (Sáu mươi tỷ đồng) giải ngân làm 2 đợt theo lãi suất của ngân hàng và phí dịch vụ là 4%: + Đợt I: giải ngân 50.000.000.000 đ (Năm mươi tỷ đồng); + Đợt II: giải ngân 10.000.000.000 đ (Mười tỷ đồng); -Thay mặt Cty NML Ông Nguyễn Minh Ta và Bà Triệu Thị MH thế chấp tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 3012,4 m² đất ở đô thị tại 1006 đường E, phường E, quận E - TPHCM, thửa đất số 501, tờ bản đồ số 104 (BĐDC-2005) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H01212/2007 ngày 05 tháng 09 năm 2007 của UBND Quận E làm tài sản bảo đảm(...)

[25] Xét thấy, các chứng cứ (1), (2), (3), (4), (5) đều do các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự xác lập trên cơ sở tự nguyện, có hình thức, mục đích và nội dung của thỏa thuận, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định tại các Điều 122, 123, 124, 401, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên phát sinh hiệu lực, là căn cứ để các bên thực hiện quyền và nghĩa vụ đã thỏa thuận.

[26] Các giấy giới thiệu nhận tiền vay do Công ty NML phát hành, các giấy nhận nợ và cam kết trả nợ do ông Nguyễn Minh Ta đại diện Công ty NML ký tên đóng dấu, các phiếu chi do Công ty MC phát hành, các giấy đề nghị tạm ứng tiền để cho Công ty NML vay của ông Trần Nghĩa Đ (bl 130 -171);

[27] Biên bản làm việc ngày 17/9/2012 (BL 380) giữa Ngân hàng N, ông Trần Nghĩa Đ, ông Nguyễn Minh Ta đại diện Công ty NML có nội dung: “Công ty MC (đại diện là ông Trần Nghĩa Đ) sử dụng tiền của Ngân hàng N cho Công ty NML (đại diện là ông Nguyễn Minh Ta) vay lại tổng số tiền 53.978.000.000 đồng. (...) Tính đến ngày 15/12/2009, Công ty NML đã nhận tổng cộng 53.978.000.000 đồng tiền vay từ ông Trần Nghĩa Đ”;

[28] Văn bản số 1412/VKSTC-V3 ngày 09/4/2019, Kết luận điều tra bổ sung số 97/CSĐT ngày 12/8/2018, Cáo trạng số 136/CT-VKSTC-V3 ngày 12/10/2018, Kết luận giám định số 399/KLGD-NHNN ngày 16/01/2018, có nội dung thể hiện về việc ông Nguyễn Minh Ta thừa nhận có giao dịch vay tiền với ông Trần Nghĩa Đ và hiện Công ty NML còn nợ số tiền là 52.978.000.000 đồng.

[29] Nội dung thể hiện trong các chứng cứ vụ án nêu trên là phù hợp lời trình bày của người đại diện Công ty AP và người đại diện Công ty MC, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định những tình tiết sự việc như sau: Căn cứ theo ủy quyền ngày 23/5/2009, ngày 03/06/2009 ông Trần Nghĩa Đ đại diện công ty AP đã ký hợp đồng cho Công ty NML vay số tiền 60.000.000.000 đồng nhằm mục đích triển khai dự án Cao ốc ML do Công ty NML thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng vay này, ông Trần Nghĩa Đ đã nhận tiền từ Công ty MC (thể hiện qua các phiếu đề nghị tạm ứng của ông Trần Nghĩa Đ) để giải ngân tiền vay cho Công ty NML nhiều lần (thể hiện qua các giấy giới thiệu nhận tiền vay, giấy nhận nợ và giấy cam kết trả nợ của ông Nguyễn Minh Ta giám đốc Công ty NML) trong khoảng thời gian từ ngày 08/06/2009 đến ngày 08/12/2009 với tổng số tiền thực nhận là 52.978.000.000 đồng. Đồng thời, Công ty NML cũng đã thực hiện thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất thuộc dự án Cao ốc ML là tại số 1006 đường E, phường E, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh tại Ngân hàng V để bảo lãnh cho Công ty AP vay số tiền 60.000.000.000 đồng theo như thỏa thuận. Đến khoảng giữa tháng 12/2009, do người đại diện theo pháp luật của Công ty AP là Ông Hồ Minh H và phó giám đốc là bà Phạm Thị Ái L cùng bỏ trốn, Công ty AP và các ngân hàng gửi đơn tố cáo ông H và bà L đến Cơ quan Cảnh sát điều tra. Đến tháng 02/2010 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Bộ Công an đã khởi tố Hồ Minh H và Phạm Thị Ái L lợi dụng Công ty AP; Công ty MC; Công ty ABP để lừa đảo chiếm đoạt tiền vay tại Ngân hàng N, do vậy khoản vay trên giữa Công ty AP và Công ty NML chưa được các bên giải quyết.

[30] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện Công ty NML kháng cáo với lý do không có quan hệ vay tiền giữa Công ty NML với Công ty AP cũng như không biết thông tin về giao dịch vay tiền với ông Trần Nghĩa Đ, mà chỉ thừa nhận việc sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất thuộc dự án Cao ốc ML để bảo lãnh cho Công ty AP vay vốn tại Ngân hàng V. Tuy nhiên, đại diện Công ty NML không giải thích được nếu không có quan hệ vay tiền thì lý do vì sao ông Nguyễn Minh T là người đại diện theo pháp luật trước đây của Công ty NML lại có những văn bản xác nhận đã nhận tiền vay từ ông Trần Nghĩa Đ, Công ty MC và tại Cơ quan điều tra ông T cũng xác nhận Công ty NML có nhận số tiền 52.978.000.000 đồng từ việc thực hiện hợp đồng vay tiền với ông Trần Nghĩa Đ. Do đó, lời trình bày của người đại diện Công ty NML về việc không có quan hệ vay tiền với Công ty AP, ông Trần Nghĩa Đ là không phù hợp với chứng cứ vụ án có trong hồ sơ nên không được chấp nhận.

[31] Về xác định nghĩa vụ trả nợ của Công ty NML: Tại phiên tòa Công ty NML cho rằng chưa phát sinh nghĩa vụ trả nợ đối với khoản vay (nếu có) do

theo các tài liệu trong hồ sơ thể hiện Công ty NML chưa nhận đủ khoản tiền vay theo thỏa thuận là 60 tỷ đồng.

[32] Theo chứng cứ vụ án thể hiện tại các giấy đề nghị tạm ứng, giấy giới thiệu nhận tiền vay, giấy nhận nợ và giấy cam kết trả nợ đều có chữ ký của ông Nguyễn Minh Tlà người đại diện pháp luật Công ty NML. Các tài liệu này là chứng cứ chứng minh việc hợp đồng vay tiền đã được thực hiện trên thực tế, trực tiếp do người đại diện theo pháp luật trước đây của Công ty NML là ông Nguyễn Minh Ta xác nhận các khoản tiền vay đã nhận, đồng thời trong quá trình Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ Công an khởi tố điều tra vụ án Hồ Minh H và Phạm Thị Ái L lợi dụng Công ty AP, Công ty MC để lừa đảo chiếm đoạt tiền vay tại Ngân hàng, trong nội dung Kết luận giám định số 399/KLGĐ-NHNN ngày 16/01/2018, Kết luận điều tra bổ sung số 97/CSĐT ngày 12/8/2018, Cáo trạng số 136/CT-VKSTC-V3 ngày 12/10/2018 cũng thể hiện nội dung về việc ông Nguyễn Minh Ta thừa nhận có giao dịch vay tiền với ông Trần Nghĩa Đ và hiện Công ty NML còn nợ số tiền là 52.978.000.000 đồng.

[33] Ngoài các chứng cứ như trên, thì tại Biên bản làm việc ngày 17/9/2012 (bl 380), giữa đại diện Ngân hàng N, ông Trần Nghĩa Đ và ông Nguyễn Minh Ta đại diện Công ty NML có nội dung xác định số tiền 53.978.000.000 đồng là của Công ty MC cho Công ty NML vay lại và tại Bảng đối chiếu công nợ ngày 01/12/2021 (bl 47) giữa Công ty NML với ông Trần Nghĩa Đ có xác định nợ gốc là 53.478.000.000 đồng. Tuy nhiên, theo đại diện Công ty AP, Công ty MC trình bày căn cứ kết quả điều tra vụ án hình sự do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Bộ Công an thụ lý, giải quyết xác định số tiền mà Công ty NML thực nhận từ Công ty MC tổng cộng là 52.978.000.000 đồng chưa trả, nên Công ty AP xác định yêu cầu Công ty NML phải trả số tiền nợ gốc là 52.978.000.000 đồng. Do vậy, có cơ sở xác định thực hiện hợp đồng vay tiền ngày 03/6/2009, Công ty NML đã nhận tổng số tiền vay là 52.978.000.000 đồng của Công ty AP thông qua Công ty MC.

[34] Đối với số tiền 60 tỷ đồng được ghi trong hợp đồng vay ngày 03/6/2009 là hạn mức thỏa thuận cho vay, tuy nhiên nghĩa vụ trả nợ phát sinh phải tương ứng với số tiền thực tế đã nhận. Việc Công ty NML đã nhận 52.978.000.000 đồng nên phát sinh nghĩa vụ trả tiền khi đến hạn và nghĩa vụ này không phụ thuộc vào việc đã giải ngân đủ hạn mức hay chưa. Do đó, lập luận của Công ty NML cho rằng chưa phát sinh nghĩa vụ trả nợ do chưa nhận đủ số tiền 60 tỷ đồng là không có cơ sở.

[35] Về xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của Công ty NML: Tại phiên tòa người đại diện Công ty NML trình bày do người đại diện pháp luật mới hiện nay của Công ty NML không biết về các hoạt động trước đây của công ty nên không có ý kiến về số tiền nợ gốc nợ lãi phát sinh từ hợp đồng vay với Công ty AP hoặc ông Trần Nghĩa Đ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[36] Căn cứ quy định của Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận theo đó bên vay phải hoàn trả đủ tiền khi đến hạn và phải trả lãi nếu có thỏa thuận, trường hợp chậm trả tiền vay thì phải chịu lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định. Đồng thời căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì Hợp đồng vay giữa các bên thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 2, điểm a, b khoản 2 Điều 4, điểm b, c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết, cụ thể như sau: “Điều 2. *Áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng: 1. Hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng được xác lập trước ngày 01-01-2017 (ngày Bộ luật Dân sự năm 2015 bắt đầu có hiệu lực) thì việc áp dụng pháp luật về lãi, lãi suất xác định như sau: (...); Đối với khoảng thời gian từ ngày 01-01-2006 đến trước ngày 01-01-2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, Nghị quyết số 45/2005/QH11 ngày 14-6-2005 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Dân sự và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005; Đối với khoảng thời gian từ ngày 01-01-2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 và văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015(...); Điều 4. Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005: (...); 2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau: a) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả theo lãi suất thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng tương ứng với thời gian vay chưa trả lãi. Trường hợp các bên không xác định rõ lãi suất thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ. (...); b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả(...); Điều 5. Xác định lãi, lãi suất trong hợp đồng vay tài sản không phải là hợp đồng tín dụng thuộc trường hợp áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015:(...) 2. Hợp đồng vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì lãi, lãi suất được xác định như sau:(...) b) Trường hợp chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn thì còn phải trả lãi trên nợ lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. (...); c) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.”*

[37] Theo Hợp đồng vay tiền ngày 03/6/2009 (bút lục 376-378) thể hiện: Các bên có thỏa thuận thời hạn vay và lãi suất như sau: “(...) 1.3 Thời hạn vay: 03 tháng kể từ ngày ký nhận tiền vay; 1.4 Lãi suất: Bằng lãi suất: Bằng lãi suất Ngân hàng Ngân hàng V quy định tháng 6/2009. Lãi suất quá hạn = 150% x lãi

suất trong hạn; (...)” do vậy cần căn cứ thỏa thuận này và các quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP để xem xét yêu cầu cụ thể của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả tiền lãi trong hạn và quá hạn. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ngày 15/12/2009, Công ty NML xác nhận công nợ với ông Trần Nghĩa Đ, thời hạn vay là 03 tháng nên hết ngày 15/03/2010 Công ty NML không trả nợ gốc là vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 16/03/2010 là phù hợp với chứng cứ vụ án. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xác định mức lãi suất trong hạn là 10,5%/năm và lãi suất quá hạn là $150\% \times 10,5\%/năm$ nhưng chưa thu thập chứng cứ để xác định yêu cầu của nguyên đơn có phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng vay hay không và chưa áp dụng quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP để xem xét yêu cầu của nguyên đơn là có thiếu sót.

[38] Tại cấp phúc thẩm, Công ty AP đã cung cấp văn bản xác nhận của Ngân hàng V là nơi Công ty AP đã thực hiện hợp đồng vay tiền, trong đó thể hiện mức lãi suất cho vay vào tháng 6 năm 2009 của Ngân hàng V đối với Công ty AP là 10,3%/năm. Như vậy, mức lãi suất do nguyên đơn yêu cầu là 10,5%/năm là cao hơn mức lãi suất theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng vay 10,3%/năm nên cần xem xét lại.

[39] Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, xác định tiền lãi trong hạn từ ngày 16/12/2009 đến ngày 16/03/2010 là: $52.978.000.000 \text{ đồng} \times 90 \text{ ngày} \times 10,3\%/365 = 1.345.496.055 \text{ đồng}$.

[40] Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP và Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành có hiệu lực từ ngày 01/12/2010 quy định mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm, xác định tiền lãi quá hạn từ ngày 17/03/2010 đến ngày 31/12/2016 là: $52.978.000.000 \text{ đồng} \times 2482 \text{ ngày} \times 9\%/365 = 32.422.536.000 \text{ đồng}$.

[41] Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP xác định tiền lãi quá hạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/3/2025 là: $52.978.000.000 \text{ đồng} \times 3012 \text{ ngày} \times 10,3\%/365 \times 150\% = 67.543.901.951 \text{ đồng}$.

[42] Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty AP buộc Công ty NML trả tiền nợ gốc là 52.978.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.371.282.552 đồng và tiền lãi quá hạn là 125.480.570.178 đồng là không đúng với thỏa thuận tại hợp đồng vay và quy định của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Công ty NML nên căn cứ quy định của Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, cấp phúc thẩm cần sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm về nghĩa vụ trả nợ lãi trong hạn và nợ lãi quá hạn, xác định Công ty NML có nghĩa vụ trả tiền nợ gốc là 52.978.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 1.345.496.055 đồng, tiền lãi quá hạn trong thời gian từ ngày 17/03/2010 đến ngày 31/3/2025 là $32.422.536.000 \text{ đồng} + 67.543.901.951 \text{ đồng} = 99.966.437.951 \text{ đồng}$.

[43] Xét yêu cầu của Công ty AP buộc Công ty NML phải chịu phạt vì phạm do quá hạn không thanh toán với số tiền 3.631.916.326 đồng: Bản án sơ thẩm đã xem xét và chấp nhận yêu cầu này của Công ty AP. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện của Công ty AP xin rút lại yêu cầu này, đồng thời các đương sự khác cũng có ý kiến phản đối nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định của Điều 299, Điều 310, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự để hủy và đình chỉ đối với phần yêu cầu này của Công ty AP.

[44] Xét kháng cáo của ông Trần Nghĩa Đ: Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử lại căn cứ vào chứng cứ về việc giao kết hợp đồng vay, chứng cứ về việc giao nhận tiền và văn bản xác nhận nợ giữa ông Đ và ông Nguyễn Minh Ta giám đốc Công ty NML để sửa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty AP hoặc hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

[45] Xét thấy, như đã phân tích trên, theo chứng cứ vụ án có cơ sở xác định ông Trần Nghĩa Đ là người nhận ủy quyền từ Công ty AP để xác lập hợp đồng vay với Công ty NML. Quá trình thực hiện hợp đồng vay với Công ty NML thì ông Đ đã nhận tiền từ Công ty MC để giải ngân cho Công ty NML. Các tài liệu chứng cứ mà ông Đ viện dẫn để chứng minh là Biên bản làm việc ngày 17/9/2012 (bl 379-380) và Bảng đối chiếu công nợ ngày 01/12/2021 giữa Công ty NML với ông Trần Nghĩa Đ (bl 47) đều chỉ thể hiện về việc ông Trần Nghĩa Đ đã nhận tiền từ Công ty MC để chuyển giao cho Công ty NML trong quá trình thực hiện hợp đồng vay. Bên cạnh đó bản hợp đồng vay ngày 06/9/2009 (bl 48-49) là chứng cứ do ông Trần Nghĩa Đ nộp kèm đơn khởi kiện để chứng minh giao dịch vay tiền giữa ông Đ và Công ty NML có ghi nội dung “*Bên A (Bên cho vay) Họ tên: Trần Nghĩa Đ (...) Theo ủy quyền Số 01/UQ-MC ngày 27/4/2009 của Giám đốc Cty TNHH SX-TM-XDDV VT MC (...)*” cũng đã mâu thuẫn với lời trình bày của chính ông Đ về việc ông cho vay với tư cách cá nhân. Mặt khác, tại cấp phúc thẩm thì người đại diện của ông Đ đã xác định các bên không thực hiện bản hợp đồng vay ngày 06/9/2009 (bl 48-49) mà chỉ thực hiện bản hợp đồng vay ngày 06/9/2009 (bl 378) là chứng cứ do Công ty AP giao nộp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của Công ty AP đối với Công ty NML, chứng cứ này được Hội đồng xét xử xác định là chứng cứ vụ án (2) như nhận định tại đoạn [20]. Vì vậy, ông Đ khởi kiện yêu cầu Công ty NML trả nợ cho cá nhân ông là không có cơ sở, bản án sơ thẩm đã quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm ông Đ trình bày kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ nào khác để chứng minh nên kháng cáo không có cơ sở chấp nhận.

[46] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở chấp nhận một phần kháng cáo Công ty NML xác định lại nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi phải trả của Công ty NML, đồng thời chấp nhận yêu cầu của Công ty AP rút lại yêu cầu buộc Công ty NML phải chịu phạt vì phạm với số tiền 3.631.916.326 đồng. Đối với các nội dung kháng cáo còn lại của ông Trần Nghĩa Đ và Công ty NML là không có cơ sở nên không được chấp nhận. Đề

nghị của đại diện Viện kiểm sát về hủy bản án sơ thẩm do có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Điều 299, Điều 308, Điều 310, Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự để sửa một phần bản án sơ thẩm, đồng thời hủy và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu đã rút. Những phần của bản án sơ thẩm không có kháng cáo được giữ nguyên.

[47] Ngoài ra, căn cứ quy định của Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về quyết định lãi, lãi suất trong bản án, nhận thấy trong hợp đồng các bên có quy định về lãi suất vay 10,3%/năm. Do đó nghĩa vụ thi hành án của Công ty NML trong bản án cần được căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết. Nhận thấy, trong phần quyết định của Bản án cấp sơ thẩm đã tuyên về nghĩa vụ chịu tiền lãi suất của bên phải thi hành án là Công ty NML chưa đúng quy định và chưa rõ ràng nên cần bổ sung để làm căn cứ thi hành.

[48] Về án phí: Áp dụng Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[49] Do sửa bản án sơ thẩm nên Công ty NML không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được xác định lại tương ứng với nghĩa vụ của Công ty NML, vì vậy số tiền án phí sơ thẩm Công ty NML phải chịu là 262.289.934 đồng.

[50] Ông Trần Nghĩa Đ không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo nên phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Ông Trần Nghĩa Đ có đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí ngày 16/4/2025 do là người cao tuổi, do đó căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đ thuộc trường hợp được miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

[51] Công ty AP không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Công ty AP.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 147, khoản 2 Điều 148, điểm b khoản 1 Điều 299, Điều 308, Điều 310, Điều 311, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Nghĩa Đ. Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML, sửa bản án sơ thẩm:

1. Hủy và đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH AP: Buộc Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML chịu phạt vi phạm do quá hạn không thanh toán với số tiền 3.631.916.326 đồng.

Công ty TNHH AP được quyền khởi kiện lại theo quy định.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH AP:

Buộc bị đơn Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH AP tiền nợ gốc là 52.978.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 1.345.496.055 đồng và nợ lãi quá hạn là 99.966.437.951 đồng.

Kể từ ngày 01/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn là 15,45%/năm tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Đình chỉ yêu cầu của Công ty TNHH AP tuyên phát mãi quyền sử dụng đất có diện tích 3012,4m² thuộc thửa đất số 501, tờ bản đồ số 104 (BĐĐC-2005) tọa lạc tại địa chỉ số 1006 đường E, phường E, quận E, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK486XXX, sổ vào sổ cấp GCN số H01212/270XX do Ủy ban nhân dân quận E cấp cho bà Triệu Thị MH ngày 05/9/2007 đăng ký góp vốn vào Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML ngày 06/9/2007 để thu hồi nợ của Công ty TNHH AP.

4. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Nghĩa Đ về buộc Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML có trách nhiệm trả cho ông Trần Nghĩa Đ tiền nợ gốc là 53.478.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.619.000.000 đồng và tiền lãi quá hạn 164.397.949.576 đồng.

5. Dành quyền khởi kiện tại vụ án khác cho Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải MC đối với Công ty TNHH AP với số tiền 52.978.000.000 đồng, khi có yêu cầu.

6. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đã giải quyết xong.

7. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML phải chịu án phí số tiền là 262.289.934 đồng.

Hoàn lại cho nguyên đơn Công ty TNHH AP số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 142.076.607 đồng theo Biên lai thu số 0006879 ngày 16/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Nghĩa Đ được miễn án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

8. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Hoàn lại cho Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Dịch vụ NML tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là

2.000.000 đồng, đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu BLTU/26E số 0006153 ngày 19/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- VKSND Tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- TAND khu vực 9, TP.HCM;
- THADS TP.HCM
- Chi cục THADS khu vực 9, TP.HCM
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thanh Nhân